

Số: 834/BVT-QLCL

Điện Biên, ngày 23 tháng 3 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu
là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (Lần 2)**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Điện Biên

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên.

Số giấy phép hoạt động: 767/ĐB-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế tỉnh Điện Biên, ngày 24 tháng 7 năm 2025.

Địa chỉ: Tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Tiến sĩ Bác sĩ Phạm Tiên Biên.

Điện thoại liên hệ: 02153.827.267

Email (nếu có): bvdktinhdienbien@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Điều dưỡng, Ngoại khoa, Nội khoa, Dược sĩ.
- Trình độ đào tạo thực hành: Chuyên khoa I, Thạc sĩ
- Số lượng người đào tạo thực hành tối đa: (Danh mục kèm theo-Phụ lục 1)
- Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu (Danh mục kèm theo-Phụ lục 2)
- Danh sách các khoa, phòng tổ chức thực hành và số giường hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (Danh mục kèm theo-Phụ lục 2)
- Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Danh mục kèm theo-Phụ lục 3).

Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc BV
- Các khoa, phòng, trung tâm BV;
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC

Ts. Bs. Phạm Tiên Biên

PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Tại một thời điểm)

(Kèm theo Công văn số: 834 /BVT-QLCL ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/ khoa	Số lượng người học tối đa theo người GD	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
I. Đào tạo điều dưỡng CKI												
1	8720301	CKI	Điều dưỡng	Các học phần thuộc CKI Điều dưỡng	Các học phần thuộc CKI Điều dưỡng	Các khoa lâm sàng	6	30	209	621	0	30
II. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I												
2	8720104	CKI	Ngoại khoa	Các học phần thuộc CKI Ngoại khoa	Các học phần thuộc CKI Ngoại khoa	Các khoa lâm sàng	25	125	239	249	0	125
3	8720107	CKI	Nội khoa	Các học phần thuộc CKI Nội khoa	Các học phần thuộc CKI Nội khoa	Các khoa lâm sàng	15	75	223	669	0	75

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người GD đạt yêu cầu ở BM/ khoa	Số lượng người học tối đa theo người GD	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
III. Đào tạo Dược sĩ chuyên khoa/thạc sĩ												
4	8720205	Thạc sĩ	Dược	Các học phần thuộc Thạc sĩ Dược	Các học phần thuộc Thạc sĩ Dược	Khoa Dược	4	20	0	0	0	20
	8720412	CKI	Dược	Các học phần thuộc CKI Dược	Các học phần thuộc CKI Dược	Khoa Dược	4	20	0	0	0	20

**PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Tại một thời điểm)**

(Kèm theo Công văn số: /CV-BVT ngày tháng 03 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
I. Đào tạo Điều dưỡng chuyên khoa I											
1	Nguyễn Thị Ngát		CKI	Điều dưỡng	000291/ĐB-CCHN	Theo Quy định tại Điều 5, thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	18			Khoa Lão Tim mạch	51
2	Hà Thị Hồng Sáng		CKI	Điều dưỡng	000414/ĐB-CCHN	Theo Quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	28	Các học phần thuộc CKI Điều dưỡng	Các học phần thuộc CKI Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	62

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
3	Nguyễn Thị Hải		CKI	Điều dưỡng	0001984/ĐB-CCHN	Theo Quy định tại Điều 8, Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	20			Khoa Sản	83
4	Phạm Phương Thanh		CKI	Điều dưỡng	0001967/ĐB-CCHN	Theo Quy định tại Điều 8, Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	20			Khoa Sản	83
5	Đỗ Minh Châu		CKI	Điều dưỡng	000518/ĐB-CCHN	Theo Quy định tại Điều 5, thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ	17			Khoa Cấp cứu	13

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
6	Đặng Thị Phượng		CKI	Điều dưỡng	0000343/ĐB-GPHN	Điều dưỡng	18			Khoa Cấp cứu	13

II. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I

2.1. Ngoại khoa

1	Lê Quý Tình		BsCKI	Ngoại khoa	000462/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	34	Các học phần thuộc CKI Ngoại khoa	Các học phần thuộc CKI Ngoại khoa	Ngoại tổng hợp	62
2	Hoàng Công Tới		BsCKI	Ngoại khoa	000460/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	15				62
3	Trần Hoàng		Thạc sĩ	Ngoại khoa	002395/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	11				62
4	Lương Tiến Dũng		Thạc sĩ	Ngoại khoa	002352/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	11				62
5	Vũ Ngọc Hà		Thạc sĩ	Ngoại khoa	002790/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	9				62
6	Lê Nguyên Lượng		BSCKII	Gây mê Hồi sức	000199/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Gây	29			Gây mê hồi sức	0

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
						mê hồi sức					
7	Phan Hồng Hiệp		Thạc sĩ	Gây mê Hồi sức	0001985/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Gây mê hồi sức	15				0
8	Phạm Duy Hoàng		Thạc sĩ	Gây mê Hồi sức	000455/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức	16				0
9	Bùi Đức Phương		BsCKI	Ngoại khoa	000196/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	25			Chấn thương chỉnh hình – Bông	62
			BsCKII	Quản lý y tế							
10	Nguyễn Đức Thế		BsCKII	Ngoại khoa	000314/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	20				62
11	Vi Thanh Hải		BsCKI	Ngoại khoa	0001493/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	17				62

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
12	Mào Văn Sơn		BsCKI	Ngoại khoa	000525/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	34				62
13	Lê Xuân Thái		Thạc sĩ	Ngoại khoa	003085/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8				62
14	Ngô Thị Nhung		Thạc sĩ	Sản Phụ khoa	000043/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành phụ sản	30			Sản	83
15	Vừ Thị Kim Phương		BsCKI	Sản Phụ khoa	000177/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa	25				83
16	Lù Thị Thanh Tuyền		BsCKII	Sản Phụ khoa	0002103/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa sản	15				83
17	Đào Thị Minh Hạnh		BsCKI	Sản Phụ khoa	000024/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa	34				83
18	Mai Trọng Hiếu		BsCKI	Sản Phụ khoa	000553/ĐB-CCHN; 480/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Phụ sản	17				83

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành	
19	Trần Hải Phong		BsCKII	Hồi sức Cấp cứu	000244/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	33			Cấp cứu	13	
20	Lò Văn Quyết		BsCKI	Hồi sức Cấp cứu	000679/ĐB-CC1TN; 624/QĐ SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Khám chữa bệnh hồi sức tích cực cơ bản	13				13	
21	Nguyễn Thành Chung		BsCKI	Hồi sức Cấp cứu	000300/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa và Hồi sức cấp cứu	25				13	
22	Bùi Quang Đạo		BsCKI	GMHS	002332/ĐB-CCHN; 600/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa gây mê hồi sức	20				13	
23	Nguyễn Thế Dũng		Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu	000106/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	28				Hồi sức tích cực và Chống độc	19
24	Dương Văn Ninh		Thạc sĩ	Hồi sức	002398/ĐB-	Khám chữa bệnh	16				Chống độc	19

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
				Cấp cứu	CCHN; 48/QĐ- SYT	chuyên khoa nội; Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hồi sức tích cực					

2.2. Nội khoa

1	Trần Hải Phong		BsCKII	Hồi sức Cấp cứu	000244/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	33	Các học phần thuộc CKI Ngoại khoa	Các học phần thuộc CKI Ngoại khoa	Cấp cứu	13
2	Lò Văn Quyết		BsCKI	Hồi sức Cấp cứu	000679/ĐB-CC1TN; 624/QĐ SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Khám chữa bệnh hồi sức tích cực cơ bản	13				13
3	Nguyễn Thành Chung		BsCKI	Hồi sức Cấp cứu	000300/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa và Hồi sức cấp cứu	25				13
4	Bùi Quang Đạo		BsCKI	GMHS	002332/ĐB-CCHN; 600/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa gây mê hồi sức	20				13

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
4	Nguyễn Thế Dũng		Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu	000106/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành Hồi sức cấp cứu	28			Hồi sức tích cực và Chống độc	19
5	Dương Văn Ninh		Thạc sĩ	Hồi sức Cấp cứu	002398/ĐB-CCHN; 48/QĐ- SYT	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hồi sức tích cực	16			Hồi sức tích cực và Chống độc	19
6	Trịnh Xuân Trường		BsCKII	Nội khoa	000186/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	32			Nội tổng hợp	52
7	Vũ Lan Phương		Thạc sĩ	Nội khoa	000441/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	15				52
8	Lê Thị Liễu		BsCKI	Nội khoa	000133/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	23				52
9	Phạm Thị Bích Ngọc		Thạc sĩ	Nội khoa	002502/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	15				52

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
10	Trần Thu Hiền		BsCKI	Nội khoa	000461/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội	19			Nội A	23
11	Vũ Văn Hải		BsCKII	Nội Tim mạch	000155/ĐB-CCHN; 1196/QĐ-SYT	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội; Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch, siêu âm tim	33			Lão Tim mạch	51
12	Nguyễn Thị Thúy Hà		BsCKII	Nội Tim mạch	000151/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Tim mạch	23				51
13	Hoàng Thị Minh Nguyệt		BsCKII	Ung thư	000246/ĐB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung thư, giải phẫu bệnh.	30			Ung bướu	30
14	Quàng Thị Khiêm		Thạc sĩ	Nội Thần kinh	001646/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên ngành thần kinh	17			Tâm thần kinh	35

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
15	Lò Văn Lâm		BsCKI	Nội Thành kinh	002546/ĐB-CCHN; 441/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Tâm thần	18				35

III. Dược sĩ chuyên khoa/thạc sĩ

1	Nguyễn Việt Hùng		Thạc sĩ	Dược lâm sàng	268/CCHN-D-SYT-ĐB	Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc cổ truyền, phụ trách công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	12	Các học phần thuộc chuyên khoa/Thạc sĩ Dược	Các học phần thuộc chuyên khoa/Thạc sĩ Dược	Dược	0
2	Đỗ Thị Thảo		Thạc sĩ	Dược lâm sàng	342/ĐB-CCHND	(1)Doanh nghiệp sản xuất thuốc; (2) Doanh nghiệp sản xuất vắc xin, sinh phẩm; (3) hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể sản xuất dược liệu, thuốc đông y; (4) Doanh nghiệp	17				0

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
						bán buôn thuốc; (5) Doanh nghiệp bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; (6) Nhà thuốc; (7) Quầy thuốc; (8) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; (9) Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; (10) doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; (11) doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản vắc xin, sinh phẩm y tế, (12) 3Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm vắc xin, sinh phẩm y tế					
3	Ngô Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Dược lâm sàng	116/CCHN-D-SYT-ĐB	Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở bán lẻ	9				0

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu thực hành
						được liệu, thuốc cổ truyền, phụ trách công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh					
4	Lò Thị Khiên		CKI	Dược lâm sàng	177/CCHN-D-SYT-ĐB	Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc cổ truyền, phụ trách công tác dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	17	Các học phần thuộc chuyên khoa/Thạc sĩ Dược	Các học phần thuộc chuyên khoa/Thạc sĩ Dược	Dược	0
5	Vũ Thị Thanh Tâm		CKI	Quản lý dược	345/ĐB-CCHND	(1)Doanh nghiệp sản xuất thuốc; (2) Doanh nghiệp sản xuất vắc xin, sinh phẩm; (3) hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể sản xuất dược liệu, thuốc đông y;	16				0

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị	Ngành, chuyên ngành được đào tạo	Số giấy phép hành nghề/ số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
						(4) Doanh nghiệp bán buôn thuốc; (5) Doanh nghiệp bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; (6) Nhà thuốc; (7) Quầy thuốc; (8) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; (9) Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; (10) doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; (11) doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản vắc xin, sinh phẩm y tế, (12) Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm vắc xin, sinh phẩm y tế					

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI CÁC KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Kèm theo Công văn số: /CV-BVT ngày tháng 03 năm 2026 của Bệnh
viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
PHẦN I. HỆ THỐNG PHÒNG GIẢNG, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG ĐẢM BẢO GIẢNG DẠY		
1	Phòng (Hội trường) giảng lý thuyết có trang bị bàn ghế, hệ thống máy tính, máy chiếu	3
2	Phòng (Giao ban khoa) phục vụ giảng thực hành có trang bị bàn ghế, máy tính	11
3	Hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện: cho phép truy cập các thông tin của bệnh nhân	1
4	Máy tính bàn đồng bộ sử dụng mạng nội bộ phục vụ giảng dạy	Mỗi khoa 02 bộ
5	Máy in đen trắng phục vụ giảng dạy	Mỗi khoa 02 cái
6	Máy Photocopy phục vụ giảng dạy	2
PHẦN II. TRANG BỊ Y TẾ PHỤC VỤ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU		
I. KHOA CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH - BÔNG		
1	Máy theo dõi bệnh nhân 5 Thông số OMNI-III, Infinium, Mỹ	1
2	Bơm tiêm điện TE-SS700, Terumo, Nhật Bản	3
3	Tủ sấy YCO-NO11, Gemmy, Đài Loan	1
4	Bàn kéo nắn bó bột	1
5	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số BI05, Ge Healthcare, Mexico	1
6	Bàn mổ đa năng BDZC-1, lonsocare, Đài Loan	1
7	Bàn mổ UNIVERSAL 300A-1	1
8	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số, Philips, Trung Quốc	1
9	Máy khoan xương YTZJ-B, Hangzhou Zhengda, Trung Quốc	2
II. KHOA NGOẠI TỔNG HỢP		
1	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
2	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, Ge Healthcare, Mexico	1
3	Bơm tiêm điện Perifisor Compact Plus, Bbraun, Đức	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
4	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số BI25, Ge Healthcare, Mexico	1
III. KHOA GÂY MÊ PHẪU THUẬT		
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi KARL STORZ, Karl Storz, Đức	1
2	Giàn thiết bị mổ nội soi (Kalstorz-Đức), Karl Storz, Đức	1
3	Đèn mổ treo trần ML501, Martin, Đức	1
4	Đèn mổ treo trần ML701, Martin, Đức	1
5	Hệ thống phẫu thuật Phaco cv 7000, Nidek, Nhật Bản	1
6	Máy chụp X-Quang tăng sáng truyền hình Libra C-ARM, Philips, Hà Lan	1
7	Máy rửa tay tiệt trùng	2
8	Máy sát khuẩn không khí phòng mổ STESYBOX, Tissi Medica, Italia	9
9	Máy nạo xoang BVM, Karl Storz, Đức	1
10	Bơm tiêm điện MS-2200, Daivvha, Hàn Quốc	1
11	Bộ nội soi phẫu thuật TELECAM DX-II, Karl Storz, Đức	1
12	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
13	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số BSM3562, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
14	Máy tán sỏi ngược dòng Laser ACU-H2C, Accu-Tech, Trung Quốc	1
15	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, Nihon Kohden, Nhật Bản	1
16	Bơm tiêm điện TE-SS700, Terumo, Nhật Bản	12
17	Bàn mổ TS-102MP, Takeuchi, Nhật Bản	2
18	Bộ đặt nội khí quản Video cầm tay VLP-100, Daiken, Nhật Bản	1
19	Tủ sấy YCO-NO11, Gemmy, Đài Loan	3
20	Máy hút đờm Clinic Pluc 28194, Gima, Italia	1
21	3òn rửa tay vô trùng TTP-2WBC, Thành Tín, Việt Nam	1
22	Tay Phaco dùng cho máy mổ Phaco, Nidek, Nhật Bản	1
23	Kính hiển vi phẫu thuật nhãn khoa OM-5, Takagi, Nhật Bản	1
24	Máy khoan sọ đa năng, Karl Storz, Đức	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
25	Dao mổ điện cao tần LTDD350-2K1/03, Cty TNHH Công Nghệ Long Phương, Việt Nam	1
26	Hệ thống gây mê kèm thở CARESTATION 620, Ge Healthcare, Mỹ	1
27	Bộ dụng cụ dùng cho phẫu thuật ngoại khoa	1
28	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, Ge Healthcare, Mỹ	1
29	Hệ thống phẫu thuật nội soi, Karl Storz, Đức	1
30	Tủ Inox đựng dụng cụ phẫu thuật	1
31	Giường cấp cứu đa năng PURO, Stiegemeyer, Đức	1
32	Máy khoan xương điện, Ruijin, Trung Quốc	1
33	Máy gây mê kèm thở ADS II, Iníinium, Mỹ	2
34	Máy thở Bellavista 1000, Imt Medical, Thụy Sĩ	2
35	Đèn đọc phim X-Quang MEDVIEW-3F, Đông Á, Việt Nam	1
36	Bàn mổ chân thương chỉnh hình đa năng (điện thủy lực) AI vo Etiuda 4-02, Alvo, Ba Lan	1
37	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số BI05, Ge Healthcare, Mexico	1
38	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF, Chang Gung Medical, Đài Loan	1
39	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, Ge Healthcare, Mỹ	1
40	Máy X quang có cánh tay chữ c BV Endura, Philips, Hà Lan	1
41	Máy thở VINSMART VFS-410, Vinsmart, Việt Nam	2
42	Dao mổ điện cao tần Force FX-8C, Coviden, Mỹ	1
43	Đèn mổ treo trần CHROMOPHARE F628/F628, Berch Told, Đức	1
44	Máy khoan xương điện RJ-PD (ND-2011), Ruijin, Trung Quốc	1
45	Máy thở chức năng cao EVITA V300, Drager, Đức	1
46	Máy kích thích thần kinh cơ Stimuplex HNS 12, Stockert, Đức	2
47	Hệ thống tán sỏi LASER (tán sỏi qua da) ACW-H2J, Accutech, Trung Quốc	1
48	Máy gây mê kèm thở CARESTATION 650, Ge Healthcare, Mỹ	1
49	Bàn mổ (Bàn mổ đa năng điện thủy lực) ALVO ETIUDA 4-02, Alvo, Ba Lan	4

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
50	Máy gây mê (máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê) CARESTATION 620, Ge Healthcare, Mỹ	2
51	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số BI25, Ge Healthcare, Mexico	3
52	Máy thở chức năng cao SERVO-AIR, Maquet Citical Care, Thụy Điển	1
53	Máy hút ảm Sharp DW-J27FV-S, Sharp, Trung Quốc	1
54	Forceps gấp giữ quang học, Karl Storz, Đức	1
55	Forceps gấp sỏi, Karl Storz, Đức	1
56	Bộ đèn đặt nội khí quản người lớn ánh sáng lạnh, Friefa, Pakistan	5
57	Kính hiển vi phẫu thuật TMH	1
58	Đèn mổ KL600-I (TQ)	2
59	Đèn mổ KL700\700-II (TQ)	2
60	Máy đo áp lực nội sọ PSO-4000, Sophysa, Pháp	1
61	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (có IBP và EtCO2) BSM-3562, Nihon Kohden, Nhật Bản	4
62	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (có theo dõi độ mê sâu) BI25, Critikon de Mexico S. De R.L. De c.v (GE Healthcare), Mexico	1
63	Dao mổ điện cao tần ESU-X300NT, Alsa, Ý	4
64	Đèn mổ treo trần LEDVISION 101, Surgiris, Pháp	4
65	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) MA-53380V, Paramount Bed, Việt Nam	2
66	Máy siêu âm đa dụng ALOKA, Aloka, Nhật Bản	1
67	Màn hình y tế chuyên dụng full HD LMD-2435MD, Sony, Nhật Bản	1
IV. KHOA CẤP CỨU		
1	Máy phá rung tim TEC-7631-C, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
2	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150K, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 Thông số OMNI-III, INPLNIUM, Mỹ	1
4	Máy hút dịch hút đờm DF-506B, DOCTOR FRIEND, Đài Loan	1
5	Bơm tiêm điện TE-331, TERUMO, Nhật Bản	2

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
6	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	4
9	Xe đẩy dụng cụ cấp cứu MX31EMG, BAILIDA, Đài Loan	1
10	Máy hút đờm sách tay ASKIR20, CAMI, Italia	1
11	Máy shock tim TEC5521K, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
12	Máy hút dịch di động 2 bình DF-506L, DOCTOR FRIEND, Đài Loan	3
13	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay, SUMMIT CARE, Đài Loan	2
14	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, GE HEALTHCARE, Mỹ	3
15	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON K.OHDEN, Nhật Bản	1
16	Giường cấp cứu PURO, STIEGELMEYER, Đức	2
17	Máy thở di động HT70PLUS, COVIDIEN, Ireland	2
18	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số SVM-7603, NIHON K.OHDEN, Malaysia	1
19	Đèn đọc phim X-Quang MEDVIEW-3F, Đông Á, Việt Nam	1
20	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF, CHANG GUNG MEDICAL, Đài Loan	5
21	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số BI05, GE HEALTHCARE, Mexico	1
22	Máy thở VINSMART VFS-410, VINSMART, Việt Nam	3
23	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	20
24	Máy thở chức năng cao EVITA V300, DRAGER, Đức	2
25	Máy thở chức năng cao SAVINA 300, DRAGER, Đức	2
26	Máy thở chức năng cao PB840, COVIDIEN, Ireland	1
27	Máy hút dịch áp lực thấp CONSTANT-1400, SANKO MANUFACTURING, Nhật Bản	2
28	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số B125, GE HEALTHCARE, Mexico	3
29	Máy thở - chức năng cao SERVO-AIR, MAQUET CRITICAL CARE, Thụy Điển	2
30	Bộ đèn đặt nội khí quản người lớn ánh sáng lạnh, FRIENFA, Pakistan	1
31	Xe tiêm 2 tầng (có 4 ngăn kéo), HANOIMEQPR, Việt Nam	1
32	Xe cáng đẩy Inox surs 201	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
33	Máy đo áp lực nội sọ PSO-4000, Sophysa, Pháp	1
34	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (có IBP) BSM-3562, Nihon Kohden, Nhật Bản	6
35	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) MA-53380V, Paramount Bed, Việt Nam	6
V. KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC VÀ CHỐNG ĐỘC		
1	Máy phá dung tim TEC-7631C, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
2	Bộ đặt nội khí quản video cầm tay VPL-100, DAIKEN, Nhật Bản	1
3	Máy khí máu ABL 80 Plex Basic, RADIOMETER, Đan Mạch	1
4	Máy thở chức năng cao CARESCAPE R860, GE HEALTHCARE, Mỹ	5
5	Máy thở chức năng cao PB840, COVIDIEN, Ireland	1
6	Máy điện tim 3 cần ECG-1150, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
7	Giường cấp cứu đa năng PURO, STIEGELMEYER, Đức	3
8	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON K.OHDEN, Nhật Bản	2
9	Hệ thống monitor trung tâm 18 màn hình đầu giường Carescape Central Station MAS700, GE HEALTHCARE, Mỹ	1
10	Hệ thống máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số 18 cái BI05, GE HEALTHCARE, Mỹ	1
11	Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện CGMF, CHANG GUNG MEDICAL, Đài Loan	10
12	Máy thở VINSMART VFS-410, VINSMART, Việt Nam	2
13	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	9
14	Máy truyền dịch TE-LF630, TERUMO, Nhật Bản	9
15	Máy thở chức năng cao EVITA V300, DRAGER, Đức	3
16	Máy hút ảm HM-950EC, FUJIE, Trung Quốc	1
17	Máy thở chức năng cao SERVO-AIR, MAQUET CRITICAL CARE, Thụy Điển	1
18	Bơm tiêm điện TE-SS700, TERUMO, Nhật Bản	1
19	Tủ Inox đựng dụng cụ	1
20	Xe tiêm 2 tầng (có 4 ngăn kéo), HANOIMEQPR, Việt Nam	1
21	Giường cấp cứu đa năng, 3A, Việt Nam	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
22	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển bằng điện (Giường chăm sóc bệnh nhân ICU đa năng dùng điện) MA-53380V, Paramount Bed, Việt Nam	3
VI. KHOA SẢN		
1	Monitor sản khoa FM-9000 Plus, ADVANCED, Mỹ	1
2	Máy siêu âm LOGIQ F6, GE HEALTHCARE, Trung Quốc	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, NISHON KOHDEN, Nhật Bản	1
4	Tủ bảo quản vắc xin VLS200 Green Line, VESTFROST, Đan Mạch	1
5	Monitor sản khoa FM-3000, ADVANCED, Mỹ	1
6	Bàn thủ thuật đa năng, Việt Nam	2
7	Máy theo dõi sản khoa BFM-900, BIONICS, Hàn Quốc	2
8	Máy theo dõi sản khoa BFM-900, BIONICS, Hàn Quốc	1
9	Bồn tắm trẻ sơ sinh BTSS-01, CTY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ TIẾN ĐẠT, Việt Nam	1
10	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng Corometric 171, GE HEALTHCARE, Ấn Độ	2
11	Máy soi cổ tử cung AL-106, MEDGYN, Mỹ	1
12	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa 41 tên dụng cụ, ELCON, Đức	1
13	Bồn rửa tay vô khuẩn (bồn rửa tay phẫu thuật) BR-02C, CTY TNHH ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ TIẾN ĐẠT, Việt Nam	1
14	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	1
15	Máy truyền dịch TE-LF630, TERURMO, Nhật Bản	1
16	Máy siêu âm SSC390, ALOKA, Trung Quốc	1
17	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số BI25, GE HEALTHCARE, Mexico	1
18	Máy theo dõi sản khoa AVALON FM20, PHILIPS, Đức	1
19	Bàn mổ sản cấp cứu CCI(TQ)	1
20	Máy soi cổ tử cung star (Mỹ)	1
VII. KHOA LÃO - TIM MẠCH		
1	Bơm tiêm điện MS 2200, DAIWHA, Hàn Quốc	1
2	Máy hút dịch/ hút đờm DF-506B, D&E, Đài Loan	1

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
3	Máy phá rung tim TEC-7631C, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1 ;
4	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	2
5	Bơm tiêm điện TE-SS700, TERUMO, Nhật Bản	2
6	Holter điện tim EC-3H, LABTECH, Hungary	1
7	Bơm tiêm điện TE-331, TERUMO, Nhật Bản	2
8	Giường đa năng Kozumo	1
9	Máy điện tim 6 cần ECG-1250K, NIHON KOHDEL, Nhật Bản	1
10	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số B105, GE HEALTHCARE, Mexico	2
11	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	2
12	Máy holter theo dõi tim mạch (Máy holter điện tim) EC-3H, LABTECH, Hungary	1
13	Holter Huyết áp EC-ABP, LABTECH, Hungary	2
14	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số BI25, GE HEALTHCARE, Mexico	1
15	Máy siêu âm tổng quát (máy siêu âm Doppler màu 3 đầu dò) Arietta 50, Fujiilm Healthcare, Nhật Bản	1
VIII. KHOA NỘI TỔNG HỢP		
1 i	Máy hút dịch/ hút đờm DF-506B, D&E, Đài Loan	1
2	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON K.OHDEN, Nhật Bản	1
3	Bơm tiêm điện TE-331, TERURMO, Nhật Bản	2
4	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số BI05, GE HEALTHCARE, Mexico	1
5	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	4
6	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150, NIHON K.OHDEL, Nhật Bản	1
7	Máy Tủ bảo quản thuốc, hóa chất VH-401K, SHARP, Việt Nam	1
8	Máy đo SPO2 cầm tay, SMITHS, Mỹ	1
9	Máy đo độ loãng xương (dòng X-Q) Dexam, OSTEOSYS, Hàn Quốc	1
10	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150, NIHON K.OHDEN, Nhật Bản	1
11	Hệ thống nội soi EPK-i5000, PENTAX, Nhật Bản	1
12	Cáng vận chuyển bệnh nhân 3 tay quay SMSC-003, SUMMIT CARE, Đài Loan	2

STT	TÊN GỌI MÁY, THIẾT BỊ, KÝ HIỆU, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	SỐ LƯỢNG
13	Hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng video Optera - CV170, OLYMPUS, Nhật Bản	1
14	Máy đo điện não 24 kênh (kỹ thuật số) NS-EEG-D-1, NEUROSTYLE, Singapore	1
15	Máy đo chức năng hô hấp Spirolab, MRI, Italy	1
16	Hệ thống máy điện não kỹ thuật số 16 kênh Hihned, Hilmed, Mỹ	1
IX. KHOA NỘI A		
1	Máy điện tim 3 kênh ECG-1150K, NIHON KOHDEL, Nhật Bản	1
2	Máy sốc tim TEC-7631C, NIHON KOHDEL, Nhật Bản	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	2
4	Bơm tiêm điện TE-SS7700, TERUMO, Nhật Bản	2
5	Xe cáng đẩy Inox sus 201	1
X. KHOA TÂM THẦN KINH		
1	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM-2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1
2	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số BI05, GE HEALTHCARE, Mexico	1
3	Bơm tiêm điện TE-SS730, TERUMO, Nhật Bản	1
XI. Khoa Ung bướu		
1	Máy hút dịch/hút đờm DF-506B, D&E, Đài Loan	1
2	Bơm tiêm điện TE-SS700, TERUMO, Nhật Bản	1
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số PVM2701, NIHON KOHDEN, Nhật Bản	1